

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com
Số: 105TT-LICOGI12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 04 năm 2023.

TỜ TRÌNH

V/v: *Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023.

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.
- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-LICOGI12 ngày 6/4/2023 về Nội dung các vấn đề đưa ra trình ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 19 năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2022 như sau:

+ Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.020.110.595
+ Vốn cổ phần hiện hành.		67.388.710.000
+ Tổng số cổ phần hiện có đến ngày 08/03 /2023 (không tính cổ phiếu quỹ)		6.738.871 cổ phần
+ Cổ tức		0 VNĐ/cổ phần
+ Tỷ lệ chia cổ tức		0% mệnh giá cổ phần

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Xuân Quang*

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com
Số:106/TT-LICOGI12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2023.

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo quyết toán tiền lương và phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và Dự trù tổng mức tiền lương và phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023.

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.
- Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-LICOGI12 ngày 6/4/2023 về Nội dung các vấn đề đưa ra trình ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 19 năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo quyết toán tiền lương và phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và Dự trù tổng mức tiền lương và phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023:

I. Báo cáo quyết toán tiền lương và phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 cụ thể như sau:

- Phụ cấp của các thành viên Hội đồng quản trị là: 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

- Phụ cấp của các thành viên Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty là: 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

Tổng mức phụ cấp cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2022 là: 292.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu đồng).

II. Dự trù tổng mức tiền phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023.

- Mức phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty sẽ căn cứ vào kết quả doanh thu thực tế năm 2023 để quyết định.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com
Số: 107/TT-LICOGI12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2023.

TỜ TRÌNH

V/v: *Bổ sung, sửa đổi một số điều, khoản trong
Bản Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12
Theo Luật Doanh nghiệp nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023.

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Nghị định 128/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông về những điều khoản trong Điều lệ Công ty cần sửa đổi bổ sung cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới cụ thể như sau:

- Điều 1: Giải thích thuật ngữ

Khoản b thay bằng: "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Khoản c thay bằng: Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

- Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Sửa thành: Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc Công ty.

- Tổng giám đốc là đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Doanh nghiệp; Đại diện cho Doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khai theo quy định của pháp luật.

- Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu (bỏ Điều này)

- Điều 11: Quyền của cổ đông (Sửa theo Khoản 2,3 Điều 115 Luật DN 2020)

+ Sửa Khoản 3.

+ Thêm khoản 4.

- Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Sửa theo Điều 119 LDN 2020)



- Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 138 LDN 2020)
- Điều 14. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 139 LDN 2020)
- Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 144 LDN 2020)
- Điều 16: Triệu tập họp, chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 140, 143 & 142 LDN 2020)
- Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 145 LDN 2020) (Bỏ điều 17 Điều lệ cũ)
- Điều 18: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 146 LDN 2020)
- Điều 19: Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 147 & 148 LDN 2020)
- Điều 20: Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 149 LDN 2020)
- Điều 21: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (Sửa theo Điều 150 LDN 2020)
- Điều 22: Như điều 23 Điều lệ cũ
- Điều 23: Hội đồng quản trị, Quyền hạn và Nhiệm vụ (Sửa theo Điều 153 LDN 2020)
- Điều 24: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị (Sửa theo Khoản 1 & khoản 2 Điều 154 LDN 2020)
- Điều 25. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (Sửa theo điểm a, b, c Khoản 1 Điều 155 LDN 2020)
- Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Sửa theo điều 156 Luật DN 2020)
- Điều 27: Cuộc họp Hội đồng quản trị (Sửa theo Điều 157 Luật DN 2020)
- Điều 28: Biên bản họp Hội đồng quản trị (Sửa theo Điều 158 Luật DN 2020)
- Điều 29 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị (Sửa theo Điều 159 Luật DN 2020)
- Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 31: Người phụ trách Quản trị Công ty (Như Điều 32 Điều lệ cũ)
- Điều 32: Tổng giám đốc Công ty (Sửa theo Điều 162 Luật DN 2020)
- Điều 33: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Sửa theo Điều 163 Luật DN 2020)
- Điều 34: Trách nhiệm của người quản lý Công ty (Sửa theo Điều 165 Luật DN 2020)
- Điều 35: Ban kiểm soát (Sửa theo Điều 168 Luật DN 2020)
- Điều 36 Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên (sửa theo Điều 169 Luật DN 2020)
- Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát (Sửa theo điều 170 Luật DN 2020)
- Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát
- Điều 39: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên (Sửa theo Điều 172 Luật DN 2020)

- Điều 40: Sửa theo Điều 173 Luật DN 2022
- Điều 41: Sửa theo Điều 173 Luật DN 2020
- Điều 42: Trách nhiệm cẩn trọng (Như Điều 39 Điều lệ cũ)
- Điều 43: Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi (Như Điều 40 Điều lệ cũ)
- Điều 44: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường (Như Điều 41 Điều lệ cũ)
- Điều 45: Quyền Điều tra sổ sách, hồ sơ (Như điều 42 Điều lệ cũ)
- Điều 46: Phân phối lợi nhuận: Bỏ khoản 2; Khoản 4 thay bằng Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2022).
- Điều 47: Tài khoản ngân hàng (Như Điều 45 Điều lệ cũ)
- Điều 48: Năm tài chính (Như Điều 46 Điều lệ cũ)
- Điều 49: Chế độ kế toán (Như Điều 47 Điều lệ cũ)
- Điều 50: Trình báo cáo hàng năm (theo Điều 175 Luật DN 2020)
- Điều 51: Công khai thông tin (theo Điều 176 Luật DN 2020)
- Điều 52: Kiểm toán (Như Điều 50 Điều lệ cũ)
- Điều 53: Con dấu (Như Điều 51 Điều lệ cũ)
- Điều 54: Công nhân viên và Công đoàn (Như Điều 43 Điều lệ cũ)
- Điều 55: Điều lệ Công ty (Như Điều 56 Điều lệ cũ)
- Điều 56: Ngày hiệu lực

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Bổ sung, sửa đổi một số điều, khoản trong Bản Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12 Theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY *Real*



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Xuân Quang*

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 043.8687781; FAX: 043.8685014;
Website: www.licogi12.com
Số: 108/TT-LICOGI12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2023.

TỜ TRÌNH

V/v: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023
Công ty cổ phần LICOGI12.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12 ;
- Căn cứ tình hình thực tế, Công ty chưa chuẩn bị được nhân sự thay thế Tổng giám đốc hiện tại là ông Dương Xuân Quang – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc: “*Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty*” như sau:

Ông Dương Xuân Quang

- Ngày sinh: 20/03/1962
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12, Ngõ 94 phố Thái Hà , phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 32 N7B Trung Hòa, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Số cổ phần nắm giữ tại Công ty: 1.633.607 cổ phần chiếm 23,34% vốn điều lệ.
* **Chức vụ hiện tại:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12
* **Kiểm nhiệm chức vụ:** Tổng giám đốc Công ty cổ phần LICOGI 12
- Thời hạn bổ nhiệm: 05 năm, theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị khóa V (2022-2027).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty*.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY *real*



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Xuân Quang*

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận
Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com
Số: 109/TT-LICOGI12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2023.

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần LICOGI12

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023
Công ty cổ phần LICOGI12.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.
- Căn cứ đề nghị của Ban kiểm soát Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính (BCTC) trong năm 2023 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành và niêm yết.
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm.
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán.

2. Tổ chức thực hiện

- Thông qua các tiêu thức lựa chọn nêu tại mục 1 làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC trong năm tài chính 2023 cho Công ty.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán và giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC trong năm tài chính 2023 của Công ty cổ phần LICOGI 12 trên cơ sở đáp ứng các tiêu thức đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Xuân Quang*

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận
Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 19 NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12;

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định chung

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần LICOGI 12 (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2. Mục đích

Quy chế này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế Nội bộ về quản trị Công ty; đảm bảo cho các cổ đông thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Đại hội; Đảm bảo cho Đại hội hoàn thành chương trình Nghị sự đã đề ra

Điều 3. Chương trình họp Đại hội

1. Chương trình họp của Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Thông báo mời họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Hội đồng quản trị chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4. Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây

1. Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, Thông báo mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón;
3. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp;
4. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp;
5. Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của Chủ tọa

Chương II.

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Điều 5. Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần LICOGI12 thảo luận và thông qua các vấn đề đã có trong Chương trình Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

Chủ tịch HĐQT là người chủ trì Đại hội (tức Chủ tọa). Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7. Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Thư ký có nhiệm vụ:
 - Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp;
2. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội;
2. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết ;
3. Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết; phát phiếu, thu phiếu và kiểm phiếu;
4. Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông;
5. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội. Công bố kết quả biểu quyết ;
6. Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho Chủ tọa hoặc Thư ký Đại hội.

Điều 10. Các quyền của Cổ đông

1. Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho 01 (một) người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cho các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (căn cước công dân hoặc hộ chiếu), Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (*bản chính*) nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được nhận Phiếu biểu quyết và tham gia biểu quyết.

2. Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về Chương trình Đại hội đồng cổ đông, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

- Tuân thủ Quy chế làm việc của Đại hội;
- Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức;
- Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội;
- Chấp hành sự điều khiển của Đoàn chủ tịch

Chương III.

THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung

không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

2. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Chủ tọa Đại hội sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa Đại hội sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết :

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

- Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần LICOGI12.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a. Biểu quyết đối với Chủ tọa, Thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu, chương trình Đại hội, các quy chế và Biên bản Đại hội: Các cổ đông hoặc đại diện ủy quyền cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: tán thành, không tán thành hoặc có ý kiến khác).

b. Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội: Phiếu biểu quyết được in sẵn, phát cho từng cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông. Cổ đông, đại diện ủy quyền cổ đông lựa chọn một trong 3 loại: Đồng ý; không đồng ý; không có ý kiến. Đánh dấu x và ký tên bên cạnh ô đã lựa chọn.

Phiếu biểu quyết không đánh dấu; đánh dấu vào cả 2 hoặc 3 ô ý kiến là phiếu không hợp lệ, không được tính vào kết quả biểu quyết.

c. Việc kiểm phiếu được tiến hành bằng máy quét và tự động tích hợp theo chương trình tin học. Ban bầu cử thực hiện việc thu phiếu, giám sát đơn vị kỹ thuật, kiểm phiếu, tổng hợp và báo cáo chủ tọa.

Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi kết thúc Đại hội.

Điều 13. Biên bản Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Các nội dung theo chương trình Đại hội; và những vấn đề khác (phát sinh) được thông qua theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần LICOGI12. Và phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu biểu quyết, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

6433-
TY
IÂN
GI
T.P.H

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 4 chương, 14 điều, được thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2023 và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.

Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG PK
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
CHỦ TỌA



Dương Xuân Quang



**BIÊN BẢN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 19 NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023 (“Đại hội”) Công ty cổ phần LICOGI 12 (“Công ty”) đã thực hiện việc kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội vào lúc 10h20 ngày 27 tháng 04 năm 2023 tại địa điểm tổ chức họp Đại hội là: Số 21 phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

1. Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023 theo danh sách chốt hết ngày 08/03/2023 là: 664 cổ đông; Tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội là: 6.738.871 cổ phần.

2. Cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông đã có mặt tại Đại hội tính đến 10h20 ngày 27/04/2023 là 34 người.

3. Tổng số cổ phần tham dự đại hội là: 4.832.168 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp, chiếm 71,71% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội. Trong đó:

+ Số cổ phần tham dự Đại hội dưới hình thức trực tiếp là: 3.761.876 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 55,82% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

+ Số cổ phần tham dự dưới hình thức ủy quyền là: 1.070.292 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 15,88% tổng số cổ phần biểu quyết có quyền tham dự Đại hội.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: **“Cuộc họp Đại hội cổ đông được quyền tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết”**. Như vậy, với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết là 71,71% thì Công ty cổ phần LICOGI 12 hoàn toàn có thể tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ.

- Danh sách cổ đông tham dự Đại hội đính kèm.

- Biên bản này được lập lúc 10h30 ngày 27 tháng 04 năm 2023

Ban Thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội./.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: Dương Xuân Quang

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

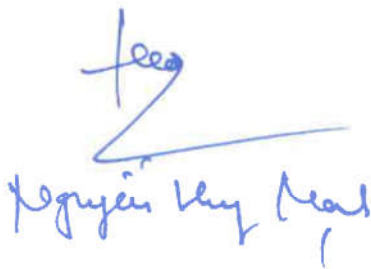
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 19 NĂM 2023**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12****DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI**

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	CMND/ CCCD	Số cổ phần sở hữu	Số phiếu ủy quyền	Tổng số phiếu biểu quyết
1	Dương Xuân Quang	CD049	010062000001	1,633,607	794,142	2,427,749
2	Dương Xuân Tứ	CD050	036071007384	542,615		542,615
3	Hoàng Minh Tuấn	CD056	012636307	360,129	175,821	535,950
4	Nguyễn Thị Chung	CD259	027181000465	240,000		240,000
5	Tổng công ty cổ phần LICOGI -CTCP	CD662	0100106440	596,700		596,700
6	Trần Thị Thu Thủy	UQ001	001183013643		73,654	73,654
7	Nguyễn Hoài Nam	UQ002	001070021657		15,914	15,914
8	Nguyễn Thế Nam	CD254	034079011600	185,000		185,000
9	Hoàng Đức Thành	CD071	011171000	726	3,793	4,519
10	Đông Văn Hân	CD636	141634064	3,400		3,400
11	Ngô Hương Lan	CD395	026171001275	9,984		9,984
12	Bùi Minh Hào	CD005	162083204	3,333		3,333
13	Trần Thị Lan	CD465	001164000728	5,000		5,000
14	Lê Anh Chiến	CD097	111643898	5,917		5,917
15	Đỗ Văn Sợi	CD656	011476666	3,189		3,189
16	Nguyễn Tiến Văn	CD330	012564345	5,622		5,622
17	Hoàng Văn Hùng	CD067	013016411	4,194		4,194
18	Đỗ Mạnh Trí	CD640	001056000460	29,217	3,484	32,701
19	Trần Văn Lực	CD522	033059001171	1,500		1,500
20	Phan Minh Tâm	CD406	025078000292	17,400		17,400
21	Lương Thị Lâm	CD153	013529245	2,756	3,484	6,240
22	Đỗ Xuân Lộc	CD658	001060027222	2,821		2,821
23	Vũ Thị Nhu	CD581	037159001498	1,253		1,253
24	Vũ Thị Sơn	CD582	035157000806	2,326		2,326
25	Trần Thị Hoà	CD494	111643355	2,600		2,600
26	Đỗ Mạnh Hồ	CD639	035056000097	2,600		2,600
27	Hà Thanh Hóa	CD081	034056001033	4,194		4,194

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	CMND/ CCCD	Số cổ phần sở hữu	Số phiếu ủy quyền	Tổng số phiếu biểu quyết
28	Nguyễn Văn An	CD344	013605463	33,400		33,400
29	Nguyễn Thị Thu Hiền	CD301	036183010865	1,000		1,000
30	Nguyễn Văn Dung	CD348	036054000087	4,502		4,502
31	Vũ Xuân Hải	CD595	030075001694	6,972		6,972
32	Chu Thị Minh Phương	CD030	026184000064	4,519		4,519
33	Thái Thị Phương Dung	CD463	042173000383	2,500		2,500
34	Nguyễn Văn Ngọc	CD360	001084020720	42,900		42,900
TỔNG SỐ				3,761,876	1,070,292	4,832,168

- Tổng số người tham dự Đại hội là: 34 người.
- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội là: 4.832.168 phiếu biểu quyết tương đương với 71,71% số tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết tham dự dưới hình thức trực tiếp là: 3.761.876 phiếu biểu quyết chiếm 55,82% tổng số phiếu có quyền Biểu quyết
- Số phiếu biểu quyết tham dự dưới hình thức ủy quyền là: 1.070.292 phiếu biểu quyết chiếm 15,88% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết vắng mặt là : 1.906.703 phiếu biểu quyết tương đương 28,29% tổng số phiếu có quyền biểu quyết./.

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Thị Ngọc



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: Dương Xuân Quang



**BIÊN BẢN KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 19 NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

- Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 năm 2023 (“Đại hội”) Công ty cổ phần LICOGI 12 (“Công ty”) đã được tiến hành vào hồi 8h30 ngày 27 tháng 04 năm 2023 tại: Số 21 phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề sau theo đúng Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12, phù hợp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Huy Mạnh | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Tuấn Anh | - Ủy viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Hoài Hiệp | - Ủy viên |

Ban Kiểm phiếu đã làm việc một cách khẩn trương, trung thực, đúng quy định và xin báo cáo trước Đại hội như sau:

- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết tại Đại hội là 4.832.168 phiếu, tương ứng với: 4.832.168 cổ phần.

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022

- Số phiếu đồng ý là: 4.832.168 bằng 100 %.
- Số phiếu không đồng ý là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không có ý kiến là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 bằng 0 %.

2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2023

- Số phiếu đồng ý là: 4.832.168 bằng 100 %.
- Số phiếu không đồng ý là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không có ý kiến là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 bằng 0 %.

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

- Số phiếu đồng ý là: 4.647.168 bằng 96,17 %.
- Số phiếu không đồng ý là: 185.000 bằng 3,83 %.
- Số phiếu không có ý kiến là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 bằng 0 %.



4. Thông qua quyết toán tiền lương và phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và Dự trù tổng mức tiền lương và phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023

- Số phiếu đồng ý là: 4.832.168 bằng 100 %.
- Số phiếu không đồng ý là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không có ý kiến là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 bằng 0 %.

5. Thông qua Sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần LICOGI12:

- Số phiếu đồng ý là: 4.832.168 bằng 100 %.
- Số phiếu không đồng ý là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không có ý kiến là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 bằng 0 %.

6. Thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty

- Số phiếu đồng ý là: 4.325.468 bằng 87,65 %.
- Số phiếu không đồng ý là: 596.700 bằng 12,35 %.
- Số phiếu không có ý kiến là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 bằng 0 %.



7. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2023

- Số phiếu đồng ý là: 4.832.168 bằng 100 %.
- Số phiếu không đồng ý là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không có ý kiến là: 0 bằng 0 %.
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 bằng 0 %.

Trên đây là kết quả hoạt động của Ban kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ 19 năm 2023 Công ty cổ phần LICOGI 12. Biên bản kiểm phiếu gồm 02 trang, được lập xong vào hồi 10h35 ngày 27 tháng 4 năm 2023 và đã được thông qua trước Đại hội.

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Huy Nam

LICOGI 12

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12
Số 21 Phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12



Hà Nội, Ngày 27 tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 23. Hội đồng quản trị, Quyền hạn và Nhiệm vụ	19
Điều 24. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 25. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	24

064
3T
1A
00
2
1T

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	26
Điều 32. Tổng giám đốc Công ty.....	26
Điều 33. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.....	27
Điều 34. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 35. Ban kiểm soát.....	28
Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	28
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	28
Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	29
Điều 39: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	30
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng	31
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	33
XI. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN	33
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	33
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	34
Điều 48. Năm tài chính.....	35
Điều 49. Chế độ kế toán	35
Điều 50. Trình báo cáo hàng năm.....	35
Điều 51. Công khai thông tin.....	36
Điều 52. Kiểm toán.....	36
Điều 53. Con dấu	36
Điều 54: Công nhân viên và công đoàn.....	36
XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	37
Điều 55. Điều lệ công ty	37
Điều 56. Ngày hiệu lực	37

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 27 tháng 04 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **LICOGI 12 JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **LICOGI 12, JSC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở : Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Điện thoại: 0243.8691534
- Fax: 0243. 8685014
- E-mail: info@licogi12.com
- Website: http://licogi12.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo khoản 2 Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc Công ty.

- Tổng giám đốc là đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Doanh nghiệp; Đại diện cho Doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khai theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;	7710
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3	Khai thác và thu gom than non	0520
4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp;	6810
6	Khai thác và thu gom than cứng.	0510
7	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng	0810
8	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.	2394
9	Khai thác quặng sắt Chi tiết: Kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản: kim loại màu, kim loại đen và phi kim loại (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm).	0710
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng hệ thống thiết bị công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, mỡ;	4290

	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế điện, hệ thống điện, điện lạnh, hệ thống thông tin liên lạc; - Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm); - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng, đường hầm); - Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, nhiệt điện, và kinh doanh điện thương phẩm; 	
11	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, khu du lịch, vui chơi giải trí;</p>	5510
12	<p>Chuẩn bị mặt bằng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý nền móng bằng phương tiện Cơ giới (Khoan nhồi, đóng cọc bê tông cốt thép, ván thép, ống thép các loại, cọc Baretter); - Vận chuyển, san lấp nền móng các loại Công trình xây dựng bằng phương tiện cơ giới xây dựng. 	4312
13	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;</p>	2511
14	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;</p>	4659
15	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn...);</p>	2395
16	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn...);</p>	4663
17	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu thiết bị, vật liệu xây dựng;</p>	8299
18	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát địa chất công trình; - Tư vấn thiết kế (thiết kế kiến trúc công trình với chức 	7110

	danh kiến trúc sư chủ nhiệm đồ án; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế quy hoạch khu đô thị và nông thôn; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp), giám sát các công trình xây dựng;	
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác;	4933

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Phát triển bền vững, không ngừng nâng cao giá trị và uy tín của công ty trên thị trường. Tối đa hoá lợi nhuận cho công ty và các cổ đông của công ty; Đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ 10 % một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát .
4. Tổng giám đốc .

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền .

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 14. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

8. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

9. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết.

10. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

12. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

13. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

14. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 19. Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều này;

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

d) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5, 6 và 8 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [30] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Hội đồng quản trị, Quyền hạn và Nhiệm vụ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;

- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 24. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 25. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty

Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo

đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trường ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Trường ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 28. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 29: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổng giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 33. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao phụ cấp công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

- Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và

đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ này.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công

tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 39: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện công việc. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 40: Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 41: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
3. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
4. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

- 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 50. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 51. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:
 - a) Điều lệ công ty;
 - b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
 - c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 53. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 54: Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 56. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm 12 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cổ phần LICOGI12 nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2023 tại Trụ sở Công ty cổ phần LICOGI12, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Xuân Quang*

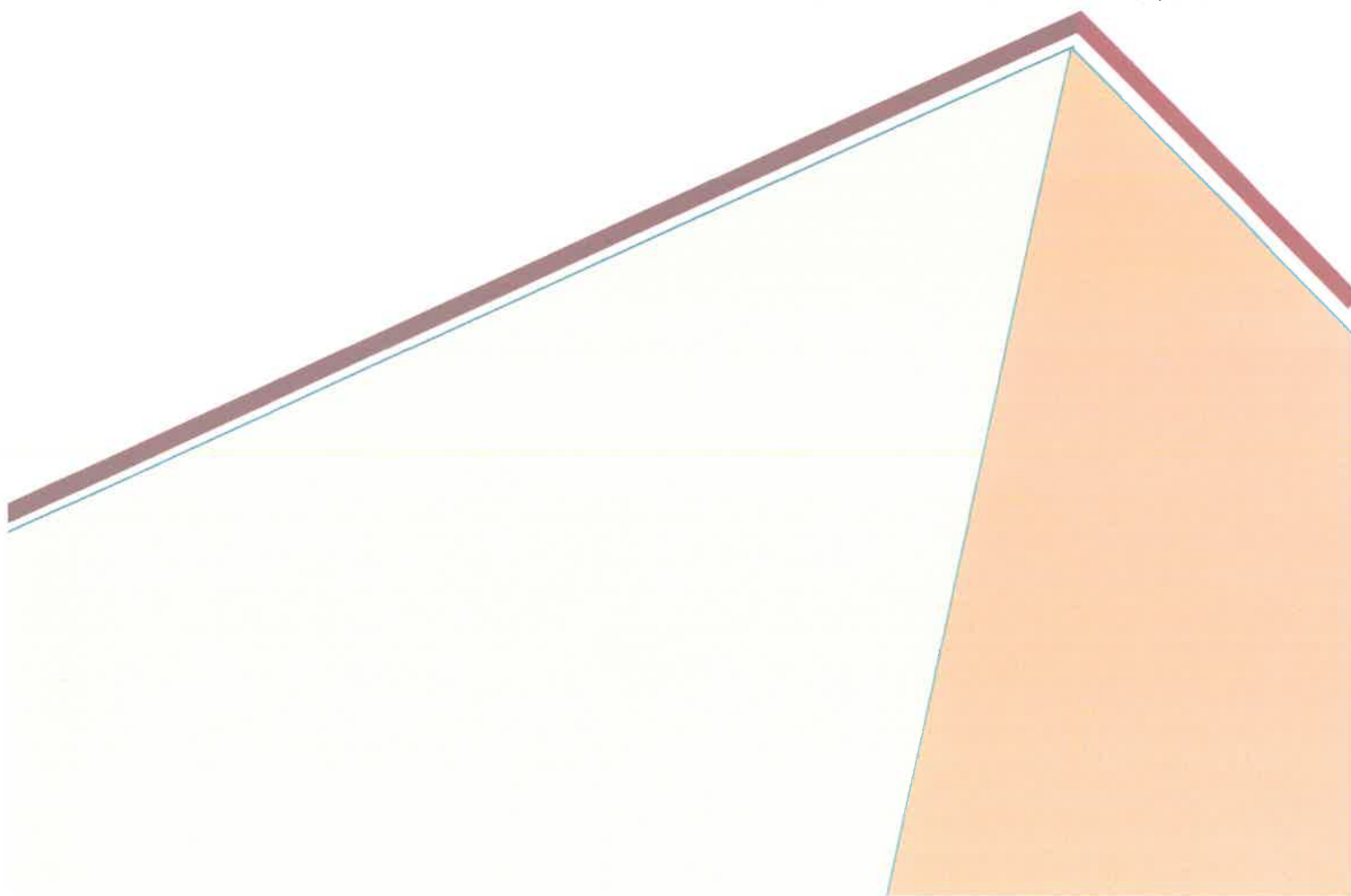
LICOGI 12

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Số 21 Phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

21 Đại Từ- Đại Kim- Hoàng Mai- Hà Nội

**KẾ HOẠCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY
Năm 2023**

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	325,561,117,936	302,250,000,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	325,561,117,936	302,250,000,000
4. Giá vốn hàng bán	302,007,265,218	280,185,750,000
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	23,553,852,718	22,064,250,000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,128,291,505	1,100,000,000
7. Chi phí tài chính	12,711,213,463	12,400,000,000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		
8. Chi phí bán hàng		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,042,607,572	7,780,000,000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	1,928,323,188	2,984,250,000
11. Thu nhập khác	1,922,740,656	
12. Chi phí khác	830,953,249	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	1,091,787,407	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	3,020,110,595	2,984,250,000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	3,020,110,595	2,984,250,000
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5%	4%
19. Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang		
20. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		

Hà Nội ngày tháng 02 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Xuân Quang



KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2023

<u>STT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Thực hiện năm 2022</u>	<u>Kế hoạch năm 2023</u>
1	Chi phí nhân viên	7,263,861,689	5,918,000,000
	a. Lương	6,691,066,635	5,460,000,000
	b. BHXH, BHYT, KPCĐ	572,795,054	458,000,000
2	Chi phí đồ dùng văn phòng	152,453,747	150,000,000
3	Chi phí xe	1,485,739,106	890,000,000
	Xăng xe, bảo dưỡng, phụ tùng...	1,104,344,714	662,000,000
	Khấu hao xe	381,394,392	228,000,000
4	Chi phí khấu hao văn phòng, thiết bị	165,323,424	162,000,000
5	Thuế và lệ phí (thuế môn bài)	55,913,138	60,000,000
6	Chi phí dự phòng		
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	496,237,211	300,000,000
	Điện, nước, điện thoại, CPN, internet, vệ sinh		
8	Chi phí bằng tiền khác	413,648,007	300,000,000
	Tổng CPQL	10,033,176,322	7,780,000,000
	Doanh thu	324,837,698,986	302,250,000,000
	CPQL/DT	3%	3%

Hà Nội ngày tháng 02 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Xuân Quang

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU THANH TOÁN NĂM 2023

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị Hợp đồng và PLHD	Giá trị còn lại của Hợp đồng	Kế hoạch quý I năm 2023			Kế hoạch quý II năm 2023			Kế hoạch quý III năm 2023			Kế hoạch quý IV năm 2023			Kế hoạch năm 2023
					Sản lượng	Nghiệm thu thanh toán	Kế hoạch tiền về	Sản lượng	Nghiệm thu thanh toán	Kế hoạch tiền về	Sản lượng	Nghiệm thu thanh toán	Kế hoạch tiền về	Sản lượng	Nghiệm thu thanh toán	Kế hoạch tiền về	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Tổng cộng																
	Kế hoạch SXKD Công ty cổ phần LICOGI12 công ty mẹ		52.527.280	48.136.714	42.589.813	122.075.396	146.042.089	109.093.514	109.697.243	108.605.828	107.230.300	86.198.162	69.558.162	84.646.024	332.236.193	372.342.793	343.559.651
A	Giá trị SXKD (tức cả KL do A cấp vật tư) của các công trình cũ		941.214.614	48.136.714	42.589.813	122.075.396	146.042.089	109.093.514	109.697.243	108.605.828	107.230.300	86.198.162	69.558.162	84.646.024	332.236.193	372.342.793	343.559.651
I	Các công trình hệ tầng kỹ thuật, hệ thống nước		50.687.378	48.136.714	42.589.813	10.875.396	57.082.089	55.717.514	4.497.243	24.445.828	56.794.300	2.998.162	2.998.162	44.710.024	37.636.193	132.662.793	199.751.651
	Thu công cơ điện				8.207.428			2.386.559			2.534.369						13.178.356
	Thiết bị đại trà tòa T1, T2, T3 Công trình: Thương mại Hồn hợp - Sunshine		50.687.378		7.241.801			2.386.559			2.534.369						12.162.729
	Khoan cọc nhồi TN và đại trà dự án Nhà Phức				965.627												965.627
	ở xã hội 2 Làng Sớm Complex																
II	Các công trình giao thông		106.919.305	3.507.740	6.744.777	4.497.243	28.255.613	12.286.951	4.497.243	5.565.661	5.009.095	2.998.162	2.998.162	6.357.569	14.990.811	40.327.176	30.396.393
	Sân nền, đường giao thông, thoát nước																
	Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia		71.148.680	3.507.740	5.737.583		21.208.829	6.274.003						2.938.222		24.716.569	14.949.808
1	Trại công giới triển lãm, đường dự án Quảng trường biển thành phố Sầm Sơn		20.060.530		1.007.194		4.048.622	3.314.603						721.001		5.117.040	6.063.374
2	Thị công Hệ i-kg giao thông tuyến		15.710.095			4.497.243	2.998.162	2.078.316	4.497.243	4.497.243	4.047.519	2.998.162	2.998.162	14.990.811	10.493.567	9.444.211	
3	Hiện trường L3 dự án KĐT Công trường biển Sầm Sơn		720.678.585	11.267.229	25.877.073	6.378.153	28.826.476	35.566.608		18.880.167	49.190.836			36.352.454	17.645.382	86.116.309	148.986.972
II	Các công trình xây dựng dân dụng		17.645.382	38.409.666	13.777.949	6.378.153	28.826.476	16.768.361		18.880.167	16.592.151			12.552.893	15.945.382	72.066.189	60.091.353
	Thị công phân bố, hoàn thiện mặt ngoài BOT khu tiếp giáp LK14, LK15 dự án KĐT Công trường biển Sầm Sơn		98.825.918	24.359.546	5.700.000			6.000.000			22.600.000			22.600.000	1.700.000	14.050.120	56.900.000
1	Tòa nhà thương mại, dịch vụ văn phòng và chung cư để bán DABACO - 29T Việt Nam		1.700.000	1.700.000	5.700.000												
2	Tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ và căn hộ cao cấp DABACO - phần thân - 15 tầng		223.430.580		6.599.124												31.995.619
3																	

100/10
ÔNG
Ô PH
ICC
1
3 MAI

STT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị Hợp đồng và PLHD	Giá trị còn lại của Hợp đồng	Kế hoạch quý I năm 2023			Kế hoạch quý II năm 2023			Kế hoạch quý III năm 2023			Kế hoạch quý IV năm 2023				
					Sản lượng	Nghiệm thu thành toán	Kế hoạch tiến về	Sản lượng	Nghiệm thu thành toán	Kế hoạch tiến về	Sản lượng	Nghiệm thu thành toán	Kế hoạch tiến về	Sản lượng	Nghiệm thu thành toán	Kế hoạch tiến về		
III	Các công trình nhà công nghiệp		62.929.346															
1	Kết cấu phần thân tầng mục thân 30	Công ty cổ phần Bột Giấy VNT19	30.073.452															
2	Thi công móng khu K13C, khu 41-2179, khu 42B, khu 25A và phần nền khu 21, 28, 41, 47	Công ty cổ phần Bột Giấy VNT19	8.250.415															
3	Thi công phần nền khu 13A, móng máy phát điện: đất có bán về thiết kế ở các khu 13, 28, 25, HFO, 58c	Công ty cổ phần Bột Giấy VNT19	11.926.479															
4	Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Bình Sơn, Bắc Giang	Công ty TNHH Bình Sơn	12.679.000															
IV	Gia công cơ khí																	
1	Gia công lắp dựng lan can bộ song (29 tầng)																	
2	Gia công cơ khí	Công ty cổ phần Đạt Phúc Complex																
3	Gia công cơ khí	Công ty cổ phần Thương mại, tư vấn và xây dựng																
4	Gia công cơ khí	Công ty cổ phần xây dựng và cây xanh, đường Nam Hà Đô																
5	Gia công cơ khí	Tổng công ty cơ khí xây dựng CTCP																
6	Gia công cơ khí	Công ty Daeteco																
B	Mục tiêu trồng thân phục vụ KHSKKD năm 2023		341.000.000															
1	Các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp		220.000.000															
2	Các công trình cơ khí nhà nền móng		90.000.000															
3	Các công trình hạ tầng và giao thông		31.000.000															

TP KINH TẾ - KỸ THUẬT




TỔNG GIÁM ĐỐC
Đường Xuân Quang

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ 2023

DVT: VNĐ

Stt	Danh mục đầu tư	Số lượng	Thành tiền	Nguồn vốn		Dự kiến năm khấu hao
				Vay	Tự có	
I.	Thiết bị thi công nhà cao tầng và thấp tầng		13,500,000,000	9,450,000,000	4,050,000,000	
1	Cần trục tháp (sức nâng Max: 8 tấn, đã qua sử dụng)	1	2,000,000,000	1,400,000,000	600,000,000	
2	Hệ giáo chống sàn Ringlock và phụ kiện	1	3,000,000,000	2,100,000,000	900,000,000	
3	Hệ giáo hoàn thiện và phụ kiện	1	3,000,000,000	2,100,000,000	900,000,000	
4	Thép hộp mạ kẽm các loại.	1	5,500,000,000	3,850,000,000	1,650,000,000	
II.	Thiết bị cơ giới thi công hạ tầng, giao thông.		3,500,000,000	2,450,000,000	1,050,000,000	
	Tổng cộng		17,000,000,000	11,900,000,000	5,100,000,000	-

Ghi chú:

- Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT.

PHÒNG QUẢN LÝ THIẾT BỊ


Kp. T. R.

Hà Nội ngày 23 tháng 03 năm 2023

P.TGD PHỤ TRÁCH

TỔNG GIÁM ĐỐC




TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

21 Đại Từ- Đại Kim- Hoàng Mai- Hà Nội

TEL: 04 3891534

KẾ HOẠCH HẠN MỨC TÍN DỤNG NĂM 2023

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Các chỉ tiêu thực hiện năm 2022		
	Giá trị sản lượng thực hiện	342,000,000,000	
	Doanh thu	325,561,117,936	
	Bình quân vốn lưu động thực tế trong năm	159,408,521,917	
	Lãi vay phát sinh	12,711,213,463	
	Vòng quay vốn lưu động	1.20	
	Dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng bình quân	132,840,434,931	
	Trong đó:		
	Ngân hàng đầu tư và phát triển Hà Nội	38,397,961,646	
	Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội	46,180,090,268	
	Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội	48,262,383,018	
2	Kế hoạch năm 2023		
	Giá trị sản lượng thực hiện	332,000,000,000	
	Khấu hao cơ bản cả năm	12,600,000,000	
	Thuế GTGT phải nộp cả năm	1,660,000,000	
	Lợi nhuận định mức	2,984,250,000	
	Nhu cầu vốn lưu động cần thiết	314,755,750,000	
	Vòng quay vốn lưu động bình quân	1.20	
	Vốn tự có, vốn chiếm dụng và vốn thanh toán	119,755,750,000	
	Dư nợ vay cần duy trì	195,000,000,000	
	Nhu cầu vốn vay ngân hàng:	195,000,000,000	
	Ngân hàng TMCP quân đội	75,000,000,000	
	Ngân hàng đầu tư và phát triển Hà Nội	60,000,000,000	
	Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội	60,000,000,000	

Hà Nội ngày tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 12 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 12 (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 07/01/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 24/9/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: LICOGI 12 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: LICOGI 12., JSC.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 24/9/2019, vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã L12.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Tuấn	Phó chủ tịch
Ông Dương Xuân Tứ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Chung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Hương Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông Phan Thế Nghĩa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Dương Xuân Quang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Số: 123/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 12

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 12, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Hiện tại, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đang kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc theo thời hạn bổ nhiệm 5 năm (từ năm 2022 đến năm 2027) là chưa phù hợp theo điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.



A blue handwritten signature, likely belonging to Lê Mạnh Hùng, written in a cursive style.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Lê Mạnh Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		281.194.144.945	250.673.858.219
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		893.096.865	3.119.756.526
1. Tiền	111	5.1	893.096.865	3.119.756.526
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	189.334.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	-	189.334.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.218.516.377	137.957.208.833
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	170.730.057.402	147.227.859.794
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	1.910.285.586	6.619.180.133
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.042.315.883	5.574.311.400
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(21.464.142.494)	(21.464.142.494)
IV. Hàng tồn kho	140		119.365.302.165	105.244.487.887
1. Hàng tồn kho	141	5.7	119.365.302.165	105.244.487.887
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.717.229.538	4.163.070.973
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	2.717.229.538	4.163.070.973
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		88.577.727.503	108.185.538.484
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		70.562.693.243	77.259.583.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	69.298.158.645	75.272.457.247
- Nguyên giá	222		172.620.379.787	195.889.277.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.322.221.142)	(120.616.819.903)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	1.264.534.598	1.987.125.800
- Nguyên giá	225		1.987.125.800	1.987.125.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(722.591.202)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	-	-
- Nguyên giá	228		138.685.576	138.685.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.685.576)	(138.685.576)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	17.608.292.000	30.725.880.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		17.508.292.000	30.625.880.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		100.000.000	100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		406.742.260	200.075.437
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	406.742.260	200.075.437
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		369.771.872.448	358.859.396.703

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	281.939.169.135	270.397.368.485
(300 = 310+330)			
I. Nợ ngắn hạn	310	255.815.534.462	251.635.372.520
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.14	69.315.979.164	68.359.689.148
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 5.15	7.156.413.083	11.990.204.346
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.16	329.947.228	229.659.207
4. Phải trả người lao động	314	4.323.030.297	7.108.439.518
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	372.542.169	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	80.754.545	184.100.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.17	3.923.655.517	13.507.805.899
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.18	169.087.030.695	149.029.292.638
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.226.181.764	1.226.181.764
II. Nợ dài hạn	330	26.123.634.673	18.761.995.965
1. Phải trả người bán dài hạn	331 5.14	20.780.532.960	8.047.901.267
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332 5.15	2.231.893.000	2.231.893.000
7. Phải trả dài hạn khác	337 5.17	624.678.481	953.358.642
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.18	2.486.530.232	7.528.843.056
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	87.832.703.313	88.462.028.218
(400 = 410)			
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.19	87.832.703.313	88.462.028.218
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.380.364.000	4.380.364.000
5. Cổ phiếu quỹ	415	(2.611.290.000)	(2.611.290.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	11.190.569.586	11.190.569.586
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	303.027.646	280.344.585
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.570.032.081	5.222.040.047
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.549.921.486	3.677.123.390
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	3.020.110.595	1.544.916.657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	369.771.872.448	358.859.396.703

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023



Dương Xuân Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	325.561.117.936	304.350.640.754
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		325.561.117.936	304.350.640.754
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	302.007.265.218	279.947.415.551
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		23.553.852.718	24.403.225.203
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.128.291.505	1.266.340.119
7. Chi phí tài chính	22	6.4	12.711.213.463	8.579.638.147
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.711.213.463	8.579.638.147
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.042.607.572	12.480.876.300
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 --(25+26)}	30		1.928.323.188	4.609.050.875
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.922.740.656	83.762.772
12. Chi phí khác	32	6.6	830.953.249	166.486.081
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.091.787.407	(82.723.309)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.020.110.595	4.526.327.566
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	2.981.410.909
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.020.110.595	1.544.916.657
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	448,16	184,34

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Dương Xuân Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.020.110.595	4.526.327.566
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.786.790.499	14.275.890.317
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.024.936.352)	(1.349.168.402)
- Chi phí lãi vay	06		12.711.213.463	8.579.638.147
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.493.178.205	26.032.687.628
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.505.311.620)	(46.607.127.867)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.120.814.278)	(11.631.808.730)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.509.723.848)	10.028.045.857
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(206.666.823)	(62.115.703)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		189.334.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.144.527.732)	(8.554.898.616)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.704.405.595)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		26.060.000	6.577.305.920
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(761.789.405)	(6.797.225.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.540.261.501)	(35.719.542.273)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.126.727.273)	(18.140.555.084)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		12.097.132.000	15.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.117.588.000	1.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.128.291.505	1.273.048.228
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.216.284.232	(367.506.856)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		335.329.240.448	294.532.543.237
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(319.518.964.891)	(273.812.825.916)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(794.850.324)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.918.107.625)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.097.317.608	20.719.717.321
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(2.226.659.661)	(15.367.331.808)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.119.756.526	18.487.088.334
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	5.1	893.096.865	3.119.756.526

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Licogi 12 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 07/01/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 24/9/2019

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: LICOGI 12 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: LICOGI 12., JSC.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 24/9/2019, vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã L12.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động của Công ty tại 31/12/2022 là: 104 người (74 lao động chính thức), (tại 31/12/2021 là 225 người (119 lao động chính thức)).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

STT	Tên ngành nghề
1	Cho thuê ô tô;
2	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
3	Xây dựng hệ thống thiết bị công nghiệp, xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện, hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng công trình thủy lợi;
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Xây dựng công trình, xử lý nền móng, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng và gia công sản phẩm cơ khí...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty có các xí nghiệp trực thuộc, Công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Các xí nghiệp trực thuộc:		
Xí nghiệp xây dựng 12.1	Hà Nội	Sản xuất Bê tông
Xí nghiệp xây dựng 12.2	Hà Nội	Xây lắp
Xí nghiệp xử lý nền móng	Hà Nội	Xây lắp
Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	Khai thác đá.
Công ty liên kết:		
Công ty Cổ phần Licogi 12.1 (<i>Quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn là 26.29%</i>)	Hà Nội	Sản xuất bê tông và sản xuất gạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2015, Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND); theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

01
BT
HT
TO
-IETI
-NK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhChứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết liên doanh và đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

TSCĐ vô hình là giá trị chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và phần mềm kế toán được khấu hao trong 05 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước chi phí và thời gian phân bổ của công cụ, dụng cụ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm đối với công cụ, dụng cụ.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào số tháng đã thu tiền trước của khách hàng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu đã được chuyển giao sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn xây lắp, bất động sản, của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Năm 2022, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	100.117.570	147.933.815
Tiền gửi ngân hàng	792.979.295	2.971.822.711
Tổng	893.096.865	3.119.756.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Cổ phiếu	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán		-	-	-	189.334.000	519.810.800	-
Cổ phiếu BID	10.852	-	-	-	189.334.000	519.810.800	-

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	170.730.057.402	147.227.859.794
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	9.857.486.591	13.763.542.898
Tổng Công ty Licogi - CTCP (i)	6.133.206.271	6.133.206.271
Công ty Cổ phần bột giấy VNT 19	24.849.896.636	22.487.519.267
Công ty Cổ phần Bông Sen Bắc Ninh	-	10.694.554.237
Công ty CP Sự kiện Kinh Bắc	1.000.000.000	2.500.000.001
Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Ninh	31.995.618.564	16.875.858.166
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	38.305.221.680	19.702.605.509
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	12.163.207.113	11.711.414.213
Các số dư không vượt quá 10% dư nợ phải thu (ii)	46.425.420.547	43.359.159.232
Tổng	170.730.057.402	147.227.859.794
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>6.133.206.271</i>	<i>6.133.206.271</i>

- (i) Công nợ với Tổng Công ty Licogi - CTCP đã được trích lập dự phòng 1.477.248.399 VND, số dư còn lại của Công trình Minh Khai đang làm hồ sơ quyết toán với tổng thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng Hoà Bình theo dự kiến năm 2023 sẽ được quyết toán.
- (ii) Trong đó các số dư nợ quá hạn thanh toán đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 20.964.142.494 VND.

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.910.285.586	6.619.180.133
Công ty Cổ phần Tập đoàn thiết bị xây dựng TP	462.577.660	-
Công ty TNHH TMDV vận tải Hữu Nghĩa (dự phòng 100%)	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH SX & TM Nội thất không gian đẹp Quyền Anh	-	1.955.525.753
Công ty TNHH Kinh doanh thép Hà Nội	-	1.475.410.463
Công ty TNHH TM & SC Nội thất Thăng Chinh	-	800.000.000
Các đối tượng khác dưới 10% tổng số dư	947.707.926	1.888.243.917
Tổng	1.910.285.586	6.619.180.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	7.042.315.883	-	5.574.311.400	-
Tạm ứng	5.491.258.403	-	3.219.356.187	-
Ký cược, ký quỹ	1.147.685.721	-	1.147.685.721	-
Phải thu khác	403.371.759	-	1.207.269.492	-
Tổng	7.042.315.883	-	5.574.311.400	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	21.464.142.494	-	21.464.142.494	-

Công ty xác định giá trị có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó (tại ngày 31/12/2022)

	Quá hạn trên 03 năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng nhà đất Housing	4.875.785.267
Tổng Công ty Licogi - CTCP	1.477.248.399
Công ty TNHH XD 1-5 Sơn La	157.054.691
Công ty xây dựng Phú Hòa	80.929.642
Công ty xây dựng cơ khí số 10 Thăng Long	193.830.087
Công ty xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng	258.622.767
Công ty CP Licogi 15	2.418.372.941
Công ty CP Licogi 19	1.161.572.426
Công ty CP Licogi 14	64.318.681
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Tramico	163.795.200
Công ty CP Licogi 13	24.050.727
Công ty xây dựng cấp thoát nước và HTKT	23.767.500
Công ty TNHH XD TM DV vận tải Hữu Nghĩa	500.000.000
Xí nghiệp lắp máy điện nước - LICOGI	4.579.018
Công ty Xây dựng công trình 136	157.235.500
Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà số 6 - Hà nội	116.527.000
Công ty POSCO E&C.LTD	54.627.668
Công ty CP Tasco10	1.309.700.000
Công ty Đầu tư xây dựng Hà nội	212.751.780
Cty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng Nhà đất	8.209.373.200
Tổng	21.464.142.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.376.226.484	-	1.670.760.426	-
Công cụ, dụng cụ	166.788.402	-	155.766.180	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	117.822.287.279	-	103.417.961.281	-
Tổng	119.365.302.165	-	105.244.487.887	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo từng công trình:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Công trình TTTMDV và căn hộ cao cấp - 15 tầng DABACO (HĐ65/2019)</i>	-	16.566.393.317
<i>Xây 29 tầng - TC móng tầng hầm, bể ngầm, thân và hoàn thiện (HĐ95/2019)</i>	38.813.677.607	40.323.189.891
<i>Thi công các lô LK14, LK15 - KĐT mới Kim Chung - Di Trạch</i>	44.373.617.610	-
<i>HM San nền, đường giao thông - DA Quảng trường biển Sầm Sơn</i>	24.649.668.332	29.242.104.118
<i>Các công trình khác</i>	9.985.323.730	17.286.273.955
Tổng	117.822.287.279	103.417.961.281

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dài hạn	406.742.260	200.075.437
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	406.742.260	200.075.437
Tổng	406.742.260	200.075.437

5.9 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	31/12/2022
Thuế GTGT đầu ra	3.129.730.808	1.683.889.373	3.129.730.808	1.683.889.373
Thuế TNDN	454.359.390	-	-	454.359.390
Thuế tài nguyên	338.977.275	-	-	338.977.275
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	240.003.500	-	-	240.003.500
Tổng	4.163.070.973	1.683.889.373	3.129.730.808	2.717.229.538

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2022	33.445.724.049	141.074.638.133	14.979.194.647	6.389.720.321	195.889.277.150	
Tăng trong năm	-	15.026.727.273	-	100.000.000	15.126.727.273	
Mua trong năm	-	15.026.727.273	-	100.000.000	15.126.727.273	
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	(28.754.880.983)	(5.608.019.780)	(4.032.723.873)	(38.395.624.636)	
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.754.880.983)	(5.608.019.780)	(4.032.723.873)	(38.395.624.636)	
Số dư tại 31/12/2022	33.445.724.049	127.346.484.423	9.371.174.867	2.456.996.448	172.620.379.787	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2022	10.710.583.456	98.537.729.298	7.435.823.079	3.932.684.070	120.616.819.903	
Tăng trong năm	756.041.364	10.360.539.979	536.751.417	410.866.537	12.064.199.297	
Khấu hao trong năm	756.041.364	10.360.539.979	536.751.417	410.866.537	12.064.199.297	
Giảm trong năm	-	(19.718.154.405)	(5.608.019.780)	(4.032.623.873)	(29.358.798.058)	
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.718.154.405)	(5.608.019.780)	(4.032.623.873)	(29.358.798.058)	
Số dư tại 31/12/2022	11.466.624.820	89.180.114.872	2.364.554.716	310.926.734	103.322.221.142	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	22.735.140.593	42.536.908.835	7.543.371.568	2.457.036.251	75.272.457.247	
Tại ngày 31/12/2022	21.979.099.229	38.166.369.551	7.006.620.151	2.146.069.714	69.298.158.645	

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 48.764.939.530 VND (tại ngày 01/01/2022 là 50.493.285.111 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2022 là 47.225.217.875 VND (tại ngày 01/01/2022 là 57.118.821.341 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Tài sản cố định thuê tài chính

Là giá trị Máy cày trục bánh xích Kobelco 7080 ghi nhận theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 196.21.02/CTTC của Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam. Nguyên giá tài sản là 1.987.125.800 VND, số khấu hao phát sinh trong năm là 722.591.202 VND.

5.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2022 là Chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và Phần mềm kế toán có tổng nguyên giá là 138.685.576 đồng và đã hết khấu hao.

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2022		01/01/2022	
	Vốn nắm giữ %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a) Đầu tư Công ty liên kết			17.508.292.000	-	30.625.880.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 12.1 (i)	27,11%	27,11%	17.508.292.000	(*)	30.625.880.000	(*)
b) Đầu tư dài hạn khác			100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Thủy điện LA HIAO			100.000.000	(*)	100.000.000	(*)
Tổng			17.608.292.000	-	30.725.880.000	-

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý cho các khoản đầu tư do các Công ty nhận đầu tư chưa niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Licogi 12.1 ngày 31/05/2022 Công ty thay đổi giám vốn điều lệ mua lại số cổ phần của Licogi 12 sở hữu là 331.957 cổ phần tương ứng số tiền đã thu là 3.117.588.000 VND.

Công ty thoái 1 phần vốn tại Công ty Cổ phần Licogi 12.1 theo Nghị quyết số 659-NQ/LICOGI12-HĐQT ngày 24/11/2022 số cổ phần chuyển nhượng lại cho các cá nhân là 1.000.000 cổ phần tương đương số tiền đã thu là 10.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	69.315.979.164	69.315.979.164	68.359.689.148	68.359.689.148
Công ty CP Nhật Nam	5.576.473.276	5.576.473.276	483.091.380	483.091.380
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	4.387.187.542	4.387.187.542	-	-
Công ty TNHH đá hoa cương Khôi Nguyên	4.236.317.320	4.236.317.320	-	-
Công ty TNHH Shungshin Vina	7.225.995.200	7.225.995.200	8.838.807.600	8.838.807.600
Công ty TNHH SX TM và ĐT XD An Phúc Hưng Yên	8.594.189.218	8.594.189.218	11.988.117.500	11.988.117.500
Công ty TNHH Đầu tư tổng hợp Tín Nghĩa	6.286.175.147	6.286.175.147	2.829.248.037	2.829.248.037
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Hải Linh	100.565.200	100.565.200	2.917.885.200	2.917.885.200
Công ty TNHH SX & DV TM Ngọc Linh	1.060.784.110	1.060.784.110	1.585.619.644	1.585.619.644
Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ thương mại Tài Anh	-	-	3.094.585.500	3.094.585.500
Các số dư nhỏ dưới 10% tổng dư nợ phải trả	31.848.292.151	31.848.292.151	36.622.334.287	36.622.334.287
Dài hạn	20.780.532.960	20.780.532.960	8.047.901.267	8.047.901.267
Công ty CP Xây dựng 46	7.641.844.960	7.641.844.960	7.641.844.960	7.641.844.960
Công ty CP Hương Trâm	-	-	406.056.307	406.056.307
Công ty Cổ phần Thiết bị và Dịch vụ TCE	13.138.688.000	13.138.688.000	-	-
Tổng	90.096.512.124	90.096.512.124	76.407.590.415	76.407.590.415
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>386.694.856</i>	<i>386.694.856</i>	<i>1.248.351.466</i>	<i>1.248.351.466</i>

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	7.156.413.083	11.990.204.346
Công ty Cổ phần BOT Vietracimex 8	7.149.999.083	-
Công ty TNHH Hoàng Gia	-	1.400.000.000
Công ty Xây dựng dân dụng OLYMPIA	-	7.507.533.224
Công ty TNHH Công nghiệp xây dựng OLYMPIA	-	2.064.553.622
Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Vĩnh Hưng	-	720.720.000
Đối tượng khác	6.414.000	297.397.500
Dài hạn	2.231.893.000	2.231.893.000
BQL DA quận Thanh Xuân	2.231.893.000	2.231.893.000
Tổng	9.388.306.083	14.222.097.346

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam.**Mẫu số B.09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2022
Thuế thu nhập cá nhân	45.165.467	127.081.752	26.793.731	145.453.488
Tiền thuê đất	-	206.766.515	206.766.515	-
Các loại thuế khác	184.493.740	3.000.000	3.000.000	184.493.740
Tổng	229.659.207	336.848.267	236.560.246	329.947.228

5.17 Phải trả khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	3.923.655.517	13.507.805.899
Kinh phí công đoàn	1.284.614.556	1.157.185.428
Bảo hiểm y tế	-	162.298.519
Phải trả tiền cổ tức	152.977.875	-
Lãi dự trả ngân hàng	-	206.153.613
Phải trả các Đội thi công (Dự Có 141)	2.486.063.086	3.696.475.880
Công ty CP Bông sen Bắc Ninh	-	3.835.509.937
Công ty CP Licogi 12.1	-	4.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	450.182.522
Dài hạn	624.678.481	953.358.642
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	624.678.481	953.358.642
Tổng	4.548.333.998	14.461.164.541
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	-	4.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	167.065.985.371	167.065.985.371	333.754.240.448	310.672.582.391	143.984.327.314	143.984.327.314
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	48.084.661.526	48.084.661.526	110.842.016.060	91.468.616.299	28.711.261.765	28.711.261.765
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quốc Việt (2)	43.248.312.856	43.248.312.856	122.382.344.216	128.245.899.039	49.111.867.679	49.111.867.679
- Quỹ tương trợ Công ty	327.376.064	327.376.064	-	-	327.376.064	327.376.064
- Vay ngắn hạn NN & PTNT Chi nhánh Tây Hà Nội (3)	46.548.289.577	46.548.289.577	80.029.880.172	83.458.067.053	49.976.476.458	49.976.476.458
- Vay ngắn hạn cá nhân (6)	28.857.345.348	28.857.345.348	20.500.000.000	7.500.000.000	15.857.345.348	15.857.345.348
b) Vay dài hạn đến hạn trả	2.021.045.324	2.021.045.324	2.021.045.324	5.044.965.324	5.044.965.324	5.044.965.324
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt (4)	1.226.195.000	1.226.195.000	1.226.195.000	4.250.115.000	4.250.115.000	4.250.115.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (5)	794.850.324	794.850.324	794.850.324	794.850.324	794.850.324	794.850.324
c) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.486.530.232	2.486.530.232	1.575.000.000	6.617.312.824	7.528.843.056	7.528.843.056
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt (4)	1.890.392.500	1.890.392.500	1.575.000.000	5.822.462.500	6.137.855.000	6.137.855.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (5)	596.137.732	596.137.732	-	794.850.324	1.390.988.056	1.390.988.056
Tổng	171.573.560.927	171.573.560.927	337.350.285.772	322.334.860.539	156.558.135.694	156.558.135.694

(1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/134758/HĐTD ngày 30/09/2022 với hạn mức tín dụng là 115 tỷ đồng trong đó đã bao gồm toán bộ dư nợ vay ngắn hạn; dư bảo lãnh; mở L/C của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể; Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể 01/2021/134758/HĐTD ngày 30/09/2021. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 31/07/2023. Lãi suất vay: được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số 292/2014 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1010/2014/HĐTC, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/05/2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 73617.21.056.30073.TD ngày 31/12/2021. Tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt. Tổng giá trị HMTD là 135 tỷ đồng. Giá trị HMTD đã bao gồm giá trị các khoản tín dụng của khách hàng đã sử dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 4763.21.056.30073.TD ký kết ngày 29/01/2021, Hợp đồng cấp tín dụng số 24386.21.056.30073.TD ký kết ngày 13/05/2021 giữa MB và khách hàng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký hợp đồng này đến 29/12/2022. Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp của khách hàng năm 2021-2022. Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và khách hàng. Biện pháp đảm bảo: Bất động sản tại số 21 phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, HN; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng công trình số 95/2019/HĐXL/Dabaco-Licogi 12 ngày 10/12/2019; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng công trình số 22/2021/HĐ/OCC-LICOGI 12 ngày 02/03/2021.

(3) Hợp đồng tín dụng số 1480LAV202200143 ngày 27/05/2022 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Tây Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình, xử lý nền móng. Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng. Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Biện pháp bảo đảm: thế chấp bằng các tài sản của Công ty có danh sách trên hợp đồng. Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn: 6%/năm.

(4) Đề nghị giải ngân kiểm kê ước nhận nợ số LD2108184395 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ngày 22/03/2021; số tiền giải ngân: 537.960.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng 21/HĐ/2021 ngày 02/03/2021 mua máy ủi Komatsu D41P-6EO phục vụ thi công công trình, thời hạn vay từ ngày 23/03/2021 đến 13/09/2024; Lãi suất thả nổi 9,3%/năm có điều chỉnh định kỳ.

Đề nghị giải ngân kiểm kê ước nhận nợ số LD2108204961 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ngày 23/03/2021; Số tiền giải ngân: 1.750.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng 268/2021/CNPL-LICOGI12 ngày 02/03/2021 mua xúc Doosan DX140W phục vụ thi công công trình, thời hạn vay từ ngày 24/03/2021 đến 19/03/2025; Lãi suất thả nổi 9,3%/năm có điều chỉnh định kỳ.

Đề nghị giải ngân kiểm kê ước nhận nợ số LD2133610500 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ngày 02/12/2021; Số tiền giải ngân: 862.500.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua cần trục bánh xích Komatsu D51PX -22 theo hợp đồng kinh tế số 14.06/2021/HĐMB/LCG12-VN ngày 15/06/2021, thời hạn vay từ ngày 03/12/2021 đến 04/11/2024; Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi 7,9%/năm có điều chỉnh định kỳ...

(5) Hợp đồng cho thuê tài chính số 196.21.02/CTTC tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính NHTMCP Ngoại thương VN ngày 24/12/2021; Cho thuê tài chính là Cần trục bánh xích KOBELCO 7080 đã qua sử dụng; Số tiền cho thuê bằng 70% tổng giá trị tài sản: 2.185.838.380 đồng; Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp; Giá chọn mua khi hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng là 3.100.000 đồng; Lãi suất trong hạn là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân do VCB Sở giao dịch công bố + biên độ lãi suất 3.7%/năm; Thời hạn cho thuê: 33 tháng.

(6) Vay ngắn hạn cá nhân ngắn hạn, không tính lãi để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết thêm về nợ thuế tài chính

Thời hạn	Năm 2022 (VND)		Năm 2021 (VND)	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	953.657.788	158.807.464	794.850.324	-
Trên 5 năm	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	70.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	11.190.569.586	430.344.585	3.677.123.390	87.067.111.561
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.544.916.657	1.544.916.657
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.544.916.657	1.544.916.657
Giảm trong năm	-	-	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số dư tại 31/12/2021	70.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	11.190.569.586	280.344.585	5.222.040.047	88.462.028.218
Số dư tại 01/01/2022	70.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	11.190.569.586	280.344.585	5.222.040.047	88.462.028.218
Tăng trong năm	-	-	-	-	302.683.061	3.020.110.595	3.322.793.656
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	3.020.110.595	3.020.110.595
Trích lập quỹ	-	-	-	-	302.683.061	-	302.683.061
Giảm trong năm	-	-	-	-	(280.000.000)	(3.672.118.561)	(3.952.118.561)
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	-	-	(302.683.061)	(302.683.061)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(3.369.435.500)	(3.369.435.500)
Chi quỹ	-	-	-	-	(280.000.000)	-	(280.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	70.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	11.190.569.586	303.027.646	4.570.032.081	87.832.703.313

(*) Chia cổ tức và trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện chi trả trong năm 2022 như sau:

- Chia cổ tức: 500 VND/cổ phần, tổng số tiền chi trả là 3.369.435.500 VND.
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 302.683.061 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 18 năm 2022 số 316/NQĐHĐCĐ-LICOGI12 ngày 10/05/2022 quyết định giữ lại lợi nhuận để bổ sung vốn và không phân phối cổ tức và không trích lập các Quỹ từ lợi nhuận của năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
Tổng Công ty Licogi - CTCP	8,52%	596.700	5.967.000.000	5.967.000.000
Ông Dương Xuân Quang	23,34%	1.633.607	16.336.070.000	16.336.070.000
Các Cổ đông khác	68,14%	4.769.693	47.696.930.000	47.696.930.000
Tổng	100%	7.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	70.000.000.000	70.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	70.000.000.000	70.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.369.435.500

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	261.129	261.129
Cổ phiếu phổ thông	261.129	261.129
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.738.871	6.738.871
Cổ phiếu phổ thông	6.738.871	6.738.871
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.190.569.586	11.190.569.586
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	303.027.646	280.344.585
Tổng	11.493.597.232	11.470.914.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu xây lắp	253.295.625.595	277.722.774.205
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	14.907.054.545
Doanh thu gia công cơ khí	17.851.458.737	-
Doanh thu bán vật tư, thiết bị và dịch vụ khác	54.414.033.604	11.720.812.004
Tổng	325.561.117.936	304.350.640.754

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn xây lắp	234.210.700.572	269.954.270.726
Giá vốn gia công cơ khí	16.946.127.416	-
Giá vốn bán vật tư, thiết bị và dịch vụ khác	50.850.437.230	9.993.144.825
Tổng	302.007.265.218	279.947.415.551

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.003.103	37.093.848
Lãi chuyển nhượng cổ phần	341.891.402	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	779.397.000	1.229.246.271
Tổng	1.128.291.505	1.266.340.119

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	12.711.213.463	8.579.638.147
Tổng	12.711.213.463	8.579.638.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.268.976.689	9.067.062.610
Chi phí đồ dùng, xăng xe, công tác phí, dịch vụ ăn uống	1.256.229.711	1.557.338.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	546.717.816	546.717.816
Thuế, phí và lệ phí	55.913.138	94.444.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.237.211	592.787.124
Chi phí bằng tiền khác	418.533.007	622.526.055
Tổng	10.042.607.572	12.480.876.300

6.6 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.896.644.847	82.828.283
Thu tiền bán phế liệu	26.060.000	-
Thu nhập khác	35.809	934.489
Tổng	1.922.740.656	83.762.772
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	481.789.405	165.225.167
Giá trị phế liệu và chi phí khác	349.163.844	1.260.914
Tổng	830.953.249	166.486.081
Lãi (lỗ) hoạt động khác	1.091.787.407	(82.723.309)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	173.740.733.715	185.077.773.228
Chi phí nhân công;	84.416.756.096	87.140.651.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định, máy thi công	12.786.790.499	14.275.890.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.566.418.401	6.688.728.119
Chi phí khác bằng tiền	8.073.777.520	10.382.497.009
Tổng	295.584.476.231	303.565.540.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.020.110.595	4.526.327.566
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	-	14.907.054.545
<i>Lợi nhuận hoạt động xây lắp và hoạt động khác</i>	3.020.110.595	(10.380.726.979)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng	481.789.405	166.486.081
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	481.789.405	166.486.081
Điều chỉnh giảm	3.501.900.000	1.229.246.271
<i>Thu nhập được miễn thuế - Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	779.397.000	1.229.246.271
<i>Lỗ được chuyển</i>	2.722.503.000	-
Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh bất động sản	-	14.907.054.545
Lợi nhuận hoạt động xây lắp và hoạt động khác	-	(11.443.487.169)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	2.981.410.909

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.020.110.595	1.544.916.657
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.020.110.595	1.544.916.657
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(302.683.061)
<i>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)</i>	6.738.871	6.738.871
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	448,16	184,34

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo năm 2021	Số trình bày lại của năm 2021	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.544.916.657	1.544.916.657	-
Số dư trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý	-	(302.683.061)	(302.683.061)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.544.916.657	1.242.233.596	(302.683.061)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.738.871	6.738.871	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	229,25	184,34	(44,92)

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan****a. Danh sách các bên liên quan của Công ty****Bên liên quan**

Tổng Công ty Licogi - CTCP
 Công ty Cổ phần 12.1
 Ông Dương Xuân Quang
 Ông Hoàng Minh Tuấn
 Ông Phùng Văn Thanh
 Ông Dương Xuân Tứ
 Bà Nguyễn Thị Chung
 Ông Nguyễn Tuấn Cường
 Bà Ngô Hương Lan
 Bà Đặng Thị Tâm
 Ông Nguyễn Hoài Nam
 Ông Phan Thế Nghĩa
 Ông Hoàng Minh Tuấn
 Bà Trần Thị Thu Thủy

Và các thành viên lân cận trong gia đình của các cá nhân
là các Bên liên quan.

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
 Công ty liên kết
 Chủ tịch HĐQT, TGD
 Phó Chủ tịch HĐQT, PTGD
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT, KTT
 Thành viên HĐQT, PTGD
 Trưởng ban Kiểm soát
 Thành viên BKS
 Thành viên BKS
 Thành viên BKS
 Người được ủy quyền CBTT
 Thư ký HĐQT

Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	Công ty liên kết	Phải trả người bán	-	532.709.170
Công ty Cổ phần Licogi 12.1	Công ty liên kết	Phải trả người bán	386.694.856	715.642.296
		Người mua trả trước	59.555.256	-
		Phải trả khác	-	4.000.000.000
Tổng Công ty Licogi - CTCP	Cổ đông lớn	Phải thu khách hàng	6.133.206.271	6.133.206.271

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giao dịch mua hàng				
Công ty Cổ phần Licogi 12.1	Công ty liên kết	Mua hàng, thuê thiết bị	192.620.909	951.079.092
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	Công ty liên kết	Mua vật tư, thiết bị	-	575.896.859
Tổng			192.620.909	1.526.975.951

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng				
Tổng Công ty Licogi - CTCP	Cổ đông lớn	Bán xi măng	-	545.045.455
		Giảm trừ khối lượng	-	(33.538.220)
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	Công ty liên kết	Cho thuê xưởng	-	579.153.268
Công ty Cổ phần Licogi 12.1	Công ty liên kết	Thuê văn phòng, bán vật tư, thanh lý tài sản...	22.835.778.577	107.110.795
Tổng			22.835.778.577	1.197.771.298

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giao dịch khác				
Công ty Cổ phần Licogi 12.1	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	779.397.000	1.219.934.380
		Trả tiền giảm vốn điều lệ	3.117.588.000	-
		Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	10.000.000.000	-
Tổng			13.896.985.000	1.219.934.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**d. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Họ tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên	32.000.000	40.000.000
Ông Dương Xuân Tứ	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Chung	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Tổng		236.000.000	244.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Bà Đặng Thị Tâm	Thành viên	-	24.000.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	16.000.000	-
Ông Phan Thế Nghĩa	Thành viên	16.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thư ký HĐQT	24.000.000	24.000.000
Tổng		56.000.000	48.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	501.833.333	568.000.000
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	-	91.437.500
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên	318.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	256.520.833	420.500.000
Bà Nguyễn Thị Chung	Kế toán trưởng	340.000.000	414.598.622
Ông Hoàng Minh Tuấn	Người được ủy quyền công bố thông tin	262.117.000	271.712.084
Bà Ngô Hương Lan	Trưởng ban Kiểm soát	203.000.000	192.496.682
Tổng		1.881.471.166	1.958.744.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT, chỉ tiêu vay dài hạn đến hạn trả của khoản nợ thuế tài chính đã được trình bày lại cho phù hợp với tính chất trình bày báo cáo của năm hiện tại:

Khoản mục trên Bảng CĐKT Tại ngày 01/01/2022	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	143.984.327.314	149.029.292.638	5.044.965.324
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	12.573.808.380	7.528.843.056	(5.044.965.324)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Hiệp**Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Chung

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023


Dương Xuân Quang